|  |  |
| --- | --- |
| Use Case ID | UC01 |
| Use Case Name | Đăng nhập |
| Description | Là người dùng, tôi muốn đăng nhập vào hệ thống để thực hiện một số chức năng của ứng dụng |
| Actors | Customer (Khách hàng), Admin (QTV) |
| Pre-Condition(s): | Tài khoản người dùng đã được tạo sẵn  Thiết bị đã kết nối Internet  Tài khoản hợp lệ (không bị khóa hay cấm) |
| Post-Condition(s): | Người dùng đăng nhập ứng dụng thành công  Hệ thống ghi nhận đăng nhập |
| Basic Flow | 1. Người dùng truy cập vào trang web 2. Người dùng chọn phương thức đăng nhập bằng tài khoản của web 3. Người dùng nhập SĐT và đăng nhập 4. Hệ thống kiểm tra tài khoản, xác thực tài khoản và thông báo thành công 5. Hệ thống ghi nhận đăng nhập |
| Alternative Flow | 2a. Người dùng chọn phương thức “Tiếp tục bằng Facebook”   * 2a.1 Chuyển sang màn hình đăng nhập của Facebook   3a. Người dùng chọn tài khoản đăng nhập  4a. Facebook xác thực thông tin đăng nhập và cho người dùng đăng nhập ứng dụng  2b. Người dùng chọn phương thức “Tiếp tục bằng Google”   * 2b.1 Chuyển sang màn hình đăng nhập của Google   3.b Người dùng chọn tài khoản và đăng nhập  4b. Google xác thực thông tin đăng nhập và cho người dùng đăng nhập vào ứng dụng |
| Exception Flow | Mất kết nối internet trong quá trình đăng nhập |
| Business Rule | Xuất thông báo lỗi khi đăng nhập không thành công |
| Non-Functional Requirement | Giao diện mượt mà |

|  |  |
| --- | --- |
| Use Case ID | UC02 |
| Use Case Name | Đăng kí tài khoản |
| Description | Là người dùng,tôi muốn đăng ký tài khoản để có thể sử dụng được các chức năng yêu cầu đăng nhập |
| Actors | Customer (Khách hàng) |
| Pre-Condition(s): | Sau khi đăng nhập  Tài khoản chưa có trước  Thiết bị đã kết nối Internet |
| Post-Condition(s): | Người dùng đăng ký thành công và tự động đăng nhập và hệ thống  Tài khoản được tạo trên hệ thống  Hệ thống ghi nhận đăng nhập |
| Basic Flow | 1. Người dùng truy cập vào hệ thống 2. Nhập SĐT và “Đăng nhập” - UC01 3. Nếu chưa có tài khoản người dùng được chuyển sang màn hình “Đăng ký” 4. Người dùng điền thông tin tài khoản và đăng ký (email, họ tên,ngày sinh, sdt, …) 5. Hệ thống kiểm thông tin thành công và lưu tài khoản 6. Đăng nhập vào hệ thống và thông báo đăng nhập thành công |
| Alternative Flow |  |
| Exception Flow | 5a Hệ thống kiểm tra thấy thông tin thiếu   * 5a.1 Thông báo “Thiếu thông tin” * 5a.1 Yêu cầu người dùng nhập lại   5b Hệ thống lưu thông tin thất bại   * 5b.1 Thông báo “Tạo tài khoản thất bại. Thử lại lần sau”   Use Case thực hiện lại bước 5 |
| Business Rule |  |
| Non-Functional Requirement |  |

|  |  |
| --- | --- |
| Use Case ID | UC03 |
| Use Case Name | Quên mật khẩu |
| Description | Là người dùng,tôi muốn lấy lại mật khẩu khi đã quên |
| Actors | Customer (Khách hàng) |
| Pre-Condition(s): | Quên mật khẩu tài khoản  Thiết bị đã kết nối Internet |
| Post-Condition(s): | Người dùng gửi yêu cầu đổi mật khẩu thành công và trở lại trang chính  Link đổi mật khẩu được gửi trực tiếp vào email của người dùng  Người dùng đổi trực tiếp trên link đổi mật khẩu |
| Basic Flow | 1. Người dùng truy cập vào trang web 2. Người dùng chọn chức năng “Quên mật khẩu” 3. Điền thông tin email đã đăng kí tài khoản 4. Hệ thống kiểm tra email hợp lệ 5. Thông báo gửi mail đến người dùng thành công |
| Alternative Flow |  |
| Exception Flow | 4a Hệ thống kiểm tra email không hợp lệ thì hiển thị thông báo cho người dùng |
| Business Rule | Chỉ được gửi phản hồi cách nhau 3 phút |
| Non-Functional Requirement |  |

|  |  |
| --- | --- |
| Use Case ID | UC04 |
| Use Case Name | Xem sản phẩm |
| Description | Là người dùng, tôi muốn xem các sản phẩm đang hiện có ở website |
| Actors | Customer (Khách hàng) |
| Pre-Condition(s): | Thiết bị đã kết nối Internet |
| Post-Condition(s): | Người dùng xem được tất cả các sản phẩm đang được bán tại website |
| Basic Flow | 1. Người dùng truy cập vào trang chủ, trang sản phẩm,… 2. Hệ thống lấy tất cả các thông tin sản phẩm tùy theo từng trang hiển thị lên cho người dùng 3. Người dùng chọn một sản phẩm để xem thông tin sản phẩm |
| Alternative Flow |  |
| Exception Flow | 2a Hệ thống lấy thông tin sản phẩm thất bại   * 2a.1 Hiển thị text lỗi lên từng khu vực của sản phẩm đó |
| Business Rule |  |
| Non-Functional Requirement |  |

|  |  |
| --- | --- |
| Use Case ID | UC05 |
| Use Case Name | Tìm kiếm |
| Description | Là người dùng,tôi muốn tìm kiếm sản phẩm theo tên, giá, hãng |
| Actors | Customer (Khách hàng) |
| Pre-Condition(s): | Thiết bị đã kết nối Internet |
| Post-Condition(s): | Người dùng xem được tất cả các sản phẩm theo nhu cầu tìm kiếm của người dùng |
| Basic Flow | 1. Người dùng nhập từ khóa vào ô tìm kiếm trên header website, hoặc chọn các radio button theo giá, hoặc ấn vào banner logo hãng sản xuất 2. Hệ thống lấy tất cả các thông tin sản phẩm liên quan hiển thị lên cho người dùng 3. Người dùng chọn một sản phẩm để xem thông tin sản phẩm |
| Alternative Flow |  |
| Exception Flow | 2a Hệ thống tìm kiếm thông tin thất bại   * 2a.1 Hiển thị thông báo cho người dùng “Không tìm thấy sản phẩm thuộc “...” .” |
| Business Rule |  |
| Non-Functional Requirement |  |

|  |  |
| --- | --- |
| Use Case ID | UC06 |
| Use Case Name | Đánh giá |
| Description | Là người dùng, tôi muốn đánh giá sản phẩm trên website |
| Actors | Customer (Khách hàng) |
| Pre-Condition(s): | Đã đăng nhập vào hệ thống  Đã truy cập vào trang chi tiết của sản phẩm  Thiết bị đã kết nối Internet |
| Post-Condition(s): | Người dùng được đánh giá sản phẩm mà mình yêu thích |
| Basic Flow | 1. Người dùng chọn vào thanh rating trên website, và ấn nút gửi 2. Hệ thống lưu lại đánh giá của người dùng cho sản phẩm |
| Alternative Flow |  |
| Exception Flow |  |
| Business Rule | Mỗi sản phẩm người dùng chỉ đánh giá 1 lần |
| Non-Functional Requirement |  |

|  |  |
| --- | --- |
| Use Case ID | UC07 |
| Use Case Name | Bình luận |
| Description | Là người dùng, tôi muốn bình luận về sản phẩm trên website |
| Actors | Customer (Khách hàng) |
| Pre-Condition(s): | Đã đăng nhập vào hệ thống  Đã truy cập vào trang chi tiết của sản phẩm  Thiết bị đã kết nối Internet |
| Post-Condition(s): | Người dùng được bình luận sản phẩm mà mình yêu thích |
| Basic Flow | 1. Người dùng chọn vào text area trên website, và ấn nút gửi để bình luận 2. Hệ thống lưu lại bình luận của người dùng và hiển thị lên cho sản phẩm |
| Alternative Flow |  |
| Exception Flow |  |
| Business Rule |  |
| Non-Functional Requirement |  |

|  |  |
| --- | --- |
| Use Case ID | UC08 |
| Use Case Name | So Sánh |
| Description | Là người dùng, tôi muốn so sánh 2 sản phẩm liên quan trên website |
| Actors | Customer (Khách hàng) |
| Pre-Condition(s): | Đã truy cập vào trang chi tiết của sản phẩm  Thiết bị đã kết nối Internet |
| Post-Condition(s): | Người dùng được so sánh 2 sản phẩm liên quan mà mình chọn |
| Basic Flow | 1. Người dùng truy cập vào trang chi tiết, chọn mục so sánh sản phẩm liên quan 2. Hệ thống hiển thị thông số kỹ thuật 2 sản phẩm để người dùng so sánh |
| Alternative Flow |  |
| Exception Flow |  |
| Business Rule |  |
| Non-Functional Requirement |  |

|  |  |
| --- | --- |
| Use Case ID | UC09 |
| Use Case Name | Thêm vào giỏ hàng |
| Description | Là người dùng, tôi muốn sản phẩm vào giỏ hàng |
| Actors | Customer (Khách hàng) |
| Pre-Condition(s): | Thiết bị đã kết nối Internet |
| Post-Condition(s): | Người dùng thêm sản phẩm vào giỏ hàng từ trang chủ hoặc các trang có hiện sản phẩm |
| Basic Flow | 1. Người dùng chọn icon cart 2. Hệ thống lưu id sản phẩm vào giỏ hàng 3. Hệ thống thông báo thành công vẫn ở lại trang đó |
| Alternative Flow |  |
| Exception Flow |  |
| Business Rule |  |
| Non-Functional Requirement |  |

|  |  |
| --- | --- |
| Use Case ID | UC10 |
| Use Case Name | Theo dõi đơn hàng |
| Description | Là người dùng, tôi muốn xem lại lịch sử mua hàng của mình |
| Actors | Customer (Khách hàng) |
| Pre-Condition(s): | Đã đăng nhập  Thiết bị đã kết nối Internet |
| Post-Condition(s): | Người dùng xem được danh sách mua hàng và chi tiết các đơn hàng đã từng đặt |
| Basic Flow | 1. Người dùng chọn “Lịch sử đơn hàng” 2. Hệ thống lấy thông tin các đơn hàng trên hệ thống về thành công và hiển thị lên cho người dùng 3. Người dùng chọn đơn hàng muốn xem |
| Alternative Flow |  |
| Exception Flow | 2a. Hệ thống lấy thông tin thất bại   * 2a.1 Xuất thông báo lỗi cho người dùng   Kết thúc Use Case |
| Business Rule |  |
| Non-Functional Requirement |  |

|  |  |
| --- | --- |
| Use Case ID | UC11 |
| Use Case Name | Xem lịch sử các sản phẩm đã xem |
| Description | Là người dùng, tôi muốn xem lại lịch sử sản phẩm đã xem của mình |
| Actors | Customer (Khách hàng) |
| Pre-Condition(s): | Đã đăng nhập  Thiết bị đã kết nối Internet |
| Post-Condition(s): | Người dùng xem được danh sách sản phẩm đã từng xem |
| Basic Flow | 1. Người dùng chọn “Lịch sử đã xem” 2. Hệ thống lấy thông tin các sản phẩm đã xem của người dùng thành công và hiển thị lên 3. Người dùng chọn sản phẩm và xem chi tiết sản phẩm |
| Alternative Flow |  |
| Exception Flow | 2a. Hệ thống lấy thông tin thất bại do người dùng chưa xem sản phẩm   * 2a.1 Xuất thông báo bạn chưa xem sản phẩm nào cho người dùng   Kết thúc Use Case |
| Business Rule |  |
| Non-Functional Requirement |  |

|  |  |
| --- | --- |
| Use Case ID | UC12 |
| Use Case Name | Chỉnh sửa thông tin cá nhân |
| Description | Là người dùng,tôi muốn thay đổi các thông tin cá nhân của tôi trên ứng dụng |
| Actors | Customer (Khách hàng) |
| Pre-Condition(s): | Thiết bị đã kết nối Internet |
| Post-Condition(s): | Người dùng chỉnh sửa lại thông tin cá nhân thành công và trở lại trang trước đó |
| Basic Flow | 1. Người dùng chọn “Thông tin cá nhân” 2. Nhập lại thông tin cần chỉnh sửa và Cập nhật thông tin 3. Hệ thống kiểm tra thông tin hợp lệ 4. Hệ thống lưu mới cập nhật 5. Hệ thống thông báo thành công và chuyển lại trang trước đó |
| Alternative Flow |  |
| Exception Flow | 2a Người dùng nhập thông tin không hợp lệ  3a Hệ thống kiểm tra thông tin xuất thông báo yêu cầu nhập lại cho hợp lệ  Use case quay lại bước 2  4a Hệ thống lưu thông tin không thành công   * 4a.1 Xuất thông báo lỗi cho người dùng |
| Business Rule | Nếu đổi SĐT thì phải nhập mật khẩu |
| Non-Functional Requirement |  |